

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/DS-PT

Ngày 27/02/2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn;

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 358/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Lệ Q;

Địa chỉ: Số 68, Đường 43, khóm 7, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Nguyễn Hoàng M; địa chỉ: Số 86, Đường 30/4, khóm 2, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 20/02/2024). (có mặt)

- Bị đơn: Bà Thạch Thị I;

Địa chỉ: Khóm 7, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thạch Ch;

Địa chỉ: Khóm 7, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Lệ Q - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Lệ Q cũng như người đại diện hợp pháp của bà trình bày:

Bà Q có làm chủ 02 thửa đất gồm thửa 591, tờ bản đồ số 01, diện tích 127,9m² và thửa 127, tờ bản đồ số 48, diện tích 107,7m², cùng tọa lạc tại khóm 7, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/01/2008.

Đối với thửa số 591, nguồn gốc thửa đất này là vào năm 2008, bà mua của ông Thạch Ch. Sau khi mua, bà xây dựng nhà và ở ổn định tại đây cho đến nay, lúc xây dựng nhà bà không làm cửa hậu. Vào đầu năm 2021, bà có ý định mở cửa hậu để sử dụng, nhưng bà I không cho, nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Đối với thửa số 127, tọa lạc liền kề với thửa số 591, sau khi bà mua và xây dựng nhà ở cho đến nay, bà I ở phía sau luôn sử dụng phần tường nhà sau của bà, làm cho nhà bà bị lấp lỗ thông hơi toàn bộ, với hành động kể trên của bà I là vi phạm.

Vào ngày 06/01/2022, Tổ hòa giải khóm 7, Phường 1, thị xã V có đưa vụ việc tranh chấp ra hòa giải nhưng không thành. Đến ngày 20/01/2022, Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã V cũng đưa vụ việc ra hòa giải, nhưng bà I không đồng ý nên hòa giải không thành.

Nay bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà I trả lại phần đất đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế, phần cạp vách với bà I diện tích là 2,2m², phần phía sau có diện tích là 17,8 m².

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Thạch Thị I trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông, bà ngoại bà, sau đó mới cho lại mẹ bà và cậu bà là ông Thạch Ch, sau đó ông Ch mới bán lại cho bà Q. Lúc trước, ông Ch có bán đất cho bà Q nhưng đất phía sau không có bán, lúc bà Q xây dựng nhà đã có ranh, phía Bắc không có cột ranh, bà Q đòi thêm đất sau nhà bà Q, bà không đồng ý, vì phần đất này không có bán, đối với đường ống thoát nước là ông Lâm S bán cho bà Q để thoát nước là có. Phần đất tranh chấp là bà đã ở từ nhỏ, sử dụng vào mục đích trồng rau và có đào một cái hố để thoát nước, vì đất nhà bà không có đường để thoát nước. Phần vách nhà bà với nhà bà Q nay đã là vách riêng, đối với phần đất tranh chấp phía sau theo đo đạc thực tế của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã V đo đạc có diện tích 17,8 m² và phần cạp vách 2,2 m² là của bà, nguồn gốc phần đất này là ông Thạch Ch cho bà. Bà không có lấn chiếm đất của bà Q nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của bà Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Ch trình bày:

Nguồn gốc đất chuyên nhượng cho bà Q và đất đang tranh chấp là của cha, mẹ ông, sau này đã cho lại ông và ông có bán đất cho bà Q, bán có cột ranh hàng hoàng vẫn còn chừa lại vài mét đất. Sau này ông có cho lại bà Thạch Thị I (cháu ông). Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn mà Nhà nước đã cấp và giấy tờ mua bán từ trước đúng theo diện tích đất đã mua nên ông đề nghị bác bỏ những yêu cầu của bà Q đòi ngoài diện tích đất đã mua.

Tại Bản án số 71/2023/DS-ST ngày 20/7/2023, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 24 Điều 3, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ Q đối với bị đơn bà Thạch Thị I.

- Phần đất đang tranh chấp thứ nhất: Thửa số 592, tờ bản đồ 01 cũ (thửa số 45, tờ bản đồ số 48 theo bản đồ chính quy), diện tích 2,2m², có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa số 45 có số đo 3,61m + 11,65m;*
- + Hướng Tây giáp thửa 46, tờ bản đồ số 48 có số đo 3,59m, giáp thửa 47 có số đo 11,66m;*
- + Hướng Nam giáp thửa 127 có số đo 0,15m;*
- + Hướng Bắc giáp hẻm có số đo 0,15m;*
- Tổng diện tích: 2,2m² (loại đất CLN).*

- Phần đất đang tranh chấp thứ hai: Thửa 592 tờ bản đồ số 01 cũ (thuộc thửa số 46, tờ bản đồ số 48 theo bản đồ chính quy), diện tích 17,8m², có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp đất tranh chấp có số đo 3,59m;*
- + Hướng Tây giáp hẻm có số đo 0,24m + 1,52m + 1,58m;*
- + Hướng Nam giáp thửa đất 47, tờ bản đồ số 48 chính quy có số đo 5,55m;*
- + Hướng Bắc giáp hẻm có số đo 1,32m + 4,32m;*

Tổng diện tích: 17,8m² (loại đất CLN).

(Vị trí, số đo từ cận của phần đất được thể hiện cụ thể trong sơ đồ kèm theo bản án)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 03/8/2023, bà Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bà Q không rút lại đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Bà I và ông Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Q là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với việc vắng mặt của bị đơn bà Thạch Thị I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Ch: Hai người này không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của bà Lê Thị Lê Q: Đơn kháng cáo của bà Q đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Phần đất tranh chấp gồm 02 phần: Phần thứ nhất diện tích theo đo đạc thực tế là 2,2m², có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa số 45 có số đo 3,61m + 11,65m; hướng Tây giáp thửa số 46, tờ bản đồ số 48 có số đo 3,59m, giáp thửa số 47 có số đo 11,66m; hướng Nam giáp thửa 127 có số đo 0,15m và hướng Bắc giáp hẻm có số đo 0,15m. Phần thứ hai diện tích theo đo đạc thực tế là 17,8m²,

có tứ cận: Hướng Đông giáp đất tranh chấp có số đo 3,59m; hướng Tây giáp hẻm có số đo 0,24m + 1,52m + 1,58m; hướng Nam giáp thửa 47 có số đo 5,55m và hướng Bắc giáp hẻm có số đo 1,32m + 4,32m. Đất tranh chấp tọa lạc tại khóm 7, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất với số liệu đo đạc, thẩm định, diện tích đất tranh chấp nêu trên.

[5] Bà Q cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là bà mua của ông Thạch Ch, khi mua là mua hết diện tích đất, bà được Ủy ban nhân dân thị xã V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/01/2008 tại thửa số 591, tờ bản đồ số 01 cũ (thửa số 47, tờ bản đồ số 48 chính quy), diện tích là 127,9m² (trong đó có 02 phần đất đang tranh chấp hiện nay là 2,2m² và 17,8m²), sau đó bà xây nhà, khi xây nhà thì ở phía sau bà có chừa một khoảng đất trống, nay là muốn mở cửa sau để sử dụng thì bà I không cho nên phát sinh tranh chấp. Bà I cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp cũng của ông Ch (cậu bà) cho bà, bà không có lần chiếm đất của bà Q nên không đồng ý.

[6] Qua kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V xác định được phần đất tranh chấp thứ nhất 2,2m² là nằm trong diện tích thửa số 45, tờ bản đồ số 48 chính quy, còn phần đất tranh chấp thứ hai 17,8m² là nằm trong diện tích thửa số 46, tờ bản đồ số 48 chính quy.

[7] Theo Văn bản số 410/CNVC ngày 16/5/2023 (bút lục 105) của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã V thì, một phần thửa đất số 592, tờ bản đồ số 01 lập giai đoạn năm 1992-1997, hiện nay theo bản đồ chính quy năm 2010 là thửa số 46, tờ bản đồ số 48, diện tích 17,1m², loại ODT do bà Thạch Thị S1 đứng tên chưa đăng ký quyền sử dụng đất thuộc dự án tổng thể chưa được cấp giấy chứng nhận. Phần thửa đất số 592 còn lại, tờ bản đồ số 01, lập giai đoạn năm 1992-1997, hiện nay theo bản đồ chính quy thiết lập năm 2010 là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 48m, diện tích 85,1m², loại đất ODT do bà Thạch Thị I đứng tên có đăng ký quyền sử dụng đất thuộc dự án tổng thể chưa được cấp giấy chứng nhận. Thửa số 591, tờ bản đồ số 01, diện tích 127,9m², loại đất ODT, nguồn gốc trước đây là của ông Thạch Ch1 chết năm 1955, con là Thạch Ch và vợ là Kim Thị O tiếp tục sử dụng, đến ngày 11/6/2007 được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 241068, đến ngày 23/11/2007, ông Ch và bà O lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị trấn V chứng thực chuyển nhượng hết thửa đất cho bà Q, đến ngày 10/01/2008, bà Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 873039.

[8] Hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà Q thể hiện, theo hợp đồng chuyển nhượng ông Ch chỉ chuyển nhượng cho bà có 127,9m², đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà thể hiện diện tích chuyển nhượng cũng chỉ là 127,9m².

[9] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, ông Thạch Ch2 (con ông Ch) xác định bà Q mua đất của cha ông xong là đã xây nhà

hết ranh đất đã mua, phần đất còn dư lại ở phía sau đang tranh chấp là cha ông cho lại bà I quản lý, thừa đất tranh chấp trước đây cha ông có cho bà S1 mượn ở, sau đó khoảng năm 1988 bà S1 đã trả lại (bút lục 114), Ông Lâm S xác định có bán cho bà Q bề ngang 05 tấc, dài 36m, bán trên phần đất của ông để bà Q đặt ống thoát nước, phần đất tranh chấp 17,8m² không phải đất của ông, khi ông Ch bán đất cho bà Q thì phía sau nhà bà Q vẫn còn chừa lại 01 khoảng đất trống không có bán và ông Ch đã cho lại bà I quản lý, khi bà Q mua đất ông Ch xong thì đã xây dựng nhà hết đất đã mua (bút lục 112). Đối với bà Thạch Thị S1 có mượn đất của ông Ch ở một thời gian thì trả lại, hiện nay bà S1 và các con đều đã chết hết.

[10] Hiện trạng trên phần đất tranh chấp 2,2m² giữa bà Q và bà I là hai căn nhà kiên cố, xây dựng nhà cặp vách nhau, còn phần đất tranh chấp diện tích 17,8m² thì bà I có đào hố làm đường thoát nước từ bên hông nhà chảy ra.

[11] Như vậy, có căn cứ xác định cả hai phần đất đang tranh chấp không nằm trong diện tích 127,9m², thửa số 591, tờ bản đồ số 01 cũ (thửa số 47, tờ bản đồ số 48 chính quy) của bà Q, mà thuộc thửa số 45, 46, tờ bản đồ số 48 chính quy bà I đang quản lý, sử dụng. Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Q là có căn cứ.

[12] Bà Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới thể hiện phần đất tranh chấp là của bà nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Q, chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[14] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Q là người kháng cáo không được chấp nhận, bà cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ Q.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 24 Điều 3, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lệ Q, về việc yêu cầu bà Thạch Thị I trả lại phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế, cụ thể:

Phần thứ nhất: Thửa số 592, tờ bản đồ 01 cũ (thửa số 45, tờ bản đồ số 48 theo bản đồ chính quy), diện tích 2,2m² (loại đất CLN), có tứ cận:

- Hướng Đông giáp thửa số 45 có số đo 3,61m + 11,65m;*
- Hướng Tây giáp thửa 46, tờ bản đồ số 48 có số đo 3,59m, giáp thửa 47 có số đo 11,66m;*
- + Hướng Nam giáp thửa 127 có số đo 0,15m;*
- + Hướng Bắc giáp hẻm có số đo 0,15m.*

Phần thứ hai: Thửa 592, tờ bản đồ số 01 cũ (thuộc thửa số 46, tờ bản đồ số 48 theo bản đồ chính quy), diện tích 17,8m² (loại đất CLN), có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất tranh chấp có số đo 3,59m;*
- Hướng Tây giáp hẻm có số đo 0,24m + 1,52m + 1,58m;*
- Hướng Nam giáp thửa đất 47, tờ bản đồ số 48 chính quy có số đo 5,55m;*
- Hướng Bắc giáp hẻm có số đo 1,32m + 4,32m.*

(Vị trí, số đo tứ cận được thể hiện cụ thể trong sơ đồ kèm theo bản án).

1.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Lê Thị Lệ Q phải chịu là 3.712.045 đồng (Ba triệu bảy trăm mười hai nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) và bà đã nộp xong.

1.3. Án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Lệ Q phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng),

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004326 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp xong án phí sơ thẩm.

- Bà Thạch Thị I không phải chịu.

2. Án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị Lệ Q phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008458 ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TX. Vĩnh Châu;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TX. Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS TX. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Lâm